

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/02/2018.

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn S; Ông Nguyễn Minh Tú.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thụ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà:**
Bà Bùi Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 485/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 3, phường P, quận TL, thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ 1, phường DP, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn ngày xx/xx/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DP, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Sau khi cưới vài ngày, chị D đã vu khống là gia đình anh lừa đảo, để chị ấy lấy phải một người bệnh tật yếu sinh lý như anh. Gia đình anh sống trong khu tập thể quân đội, bố anh là bộ đội nên ảnh hưởng đến danh dự của gia đình. Bố mẹ anh không muốn ảnh hưởng, đã cho tiền để hai vợ chồng mua thuốc uống. Nhưng thực tế là do chị D bị viêm nội tuyến và một bên buồng trứng có u nang nước, một bên thì bị lép. Anh phải mang tiếng với gia đình và hàng xóm láng giềng là yếu sinh lý trong quan hệ vợ chồng.

Sau khi chị D sinh con, không chăm sóc con chu đáo mà mẹ anh là người chăm chính nhưng vẫn bị chị D chê trách khi con bị ốm. Năm 2012, anh chị sống riêng tại khu tập thể trên phố Hoàng Hoa Thám, anh hoàn toàn lo lắng cơm nước, chăm sóc con cái trong khi anh đi làm từ Hoàng Hoa Thám sang Gia Lâm, rất xa. Khi sinh cháu thứ

hai thì anh bảo chị D về nhà ở cùng với gia đình anh thì mãi chị mới về, ở được một tháng chị lại bỏ đi.

Đến tết năm 2015 vợ chồng anh về ăn tết và về sống luôn cùng với gia đình anh. Bắt đầu từ đó phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, chị D luôn nghi ngờ gia đình anh có người ganh ghét, làm hại chị. Bố anh bị bệnh hiểm nghèo phải xạ trị thì chị ấy nói rằng người ông toàn hóa chất không được gần cháu. Ngoài ra chị D còn ghen tuông vô cớ như: đi nghỉ mát về chị ghen với vợ của đồng nghiệp của anh. Bản thân bố anh bị ung thư giai đoạn cuối di căn không tự chăm sóc được nhưng chị D không chăm sóc, lo lắng cho ông. Chị D không đỡ đần cơm nước, không chăm sóc bố chồng mà còn viện cớ về nhà ngoại ăn cơm xong mới về. Trước khi bố anh mất đã nói thẳng là không chấp nhận chị D là con dâu, không đồng ý cho chịu tang nên khi ông mất gia đình anh đã không phát khăn tang và không chấp nhận lễ thông gia của gia đình chị D.

Từ đầu năm 2016 đến nay anh chị đã sống ly thân, chị D đã về nhà ngoại tại phường DP để sinh sống. Việc ly hôn anh chị đã trao đổi từ rất lâu, sau tết âm lịch 2017. Tháng 9/2017 anh nộp đơn lên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm nhưng sau khi Tòa án hòa giải anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn H.A, sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Nguyễn P.A, sinh ngày xx/xx/2015. Anh xin nuôi cháu Nguyễn H.A, chị D nuôi dưỡng cháu P.A. Anh không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng. Hiện nay anh đang công tác tại Cục C – Bộ quốc phòng, thu nhập hàng tháng của anh là hơn 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung là 15 cây vàng SJC, trị giá 540.000.000 đồng và sổ tiết kiệm khoảng 400.000.000 đồng đang gửi tại Ngân hàng Bắc Á mang tên chị D. Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và trong các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh S trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống chị thấy cuộc sống vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn gì. Trong 10 năm qua chị thấy anh ấy rất yêu quý vợ và thương con, chưa bao giờ phàn nàn về vợ, rất tốt với vợ con. chị đề nghị Tòa hòa giải giúp chị vì anh S hiểu lầm chị rất nhiều. Chị vẫn còn tình cảm với anh S. Việc ly thân như anh S trình bày là chưa đúng, mỗi lần bố chồng chị đi viện thì anh S lại bảo chị mang con sang nhà ngoại để bà ngoại chăm sóc con giúp. Việc chị sang bà ngoại không phải do chị muốn mà là anh S bảo. Từ tết năm 2016 đến nay anh S không cho chị về nhà nữa nên từ đó đến nay chị phải sống tại nhà ngoại. Anh S có đơn xin ly hôn, chị không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị đoàn tụ.

Về con chung: Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn H.A, sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Nguyễn P.A, sinh ngày xx/xx/2015. Nếu phải ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P.A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung như anh S trình bày nhưng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn H.A - con chung của anh S, chị D có nguyện vọng được ở với bố là anh S nếu anh S chị D ly hôn.

Ngày 08/01/2018, anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn. Về con chung: Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn H.A, sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Nguyễn P.A, sinh ngày xx/xx/2015. Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.A, chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu P.A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và công nợ: Anh chị tự giải quyết. Về án phí: Anh S tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, sau đó chị D đã làm đơn thay đổi thỏa thuận với lý do còn tình cảm với chồng, không muốn ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H.A, còn cháu Nguyễn P.A do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự giải quyết, không đề nghị Tòa giải quyết;

- Đại diện Viện kiểm sát quận Bắc Từ Liêm phát biểu: Thẩm phán đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị D ; Giao cháu Nguyễn H.A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn P.A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Chị D là bị đơn trong vụ án, hiện cư trú tại: Tổ 1, phường DP, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị đơn là chị D, xét thấy chị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D.

[2]Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DP, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày 08/5/2007. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh S, chị D có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, thông qua lời khai của các đương sự, cung cấp của địa phương... thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị đã có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày như trong cuộc sống vợ chồng, chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, trong đối nhân xử thế với gia đình hai bên. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã không đưa ra được các biện pháp để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa hai bên còn làm ảnh hưởng đến quan hệ với gia đình nội ngoại hai bên. Anh S, chị D đã sống ly thân được gần hai năm, giữa anh chị không có tiếng nói chung, hai bên không cùng nhau hướng tới xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh S xin ly hôn chị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn H.A, sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Nguyễn P.A, sinh ngày xx/xx/2015. Anh S có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn H.A và cháu H.A có nguyện vọng được ở với anh S sau khi bố mẹ ly hôn nên giao cháu Hà Anh cho anh S nuôi dưỡng. Cháu P.A còn nhỏ, dưới 3 tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu P.A cho chị D nuôi dưỡng. Anh S, chị D mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh S, chị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh S, chị D không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Anh S, chị D có hai con chung là Nguyễn H.A, sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Nguyễn P.A, sinh ngày xx/xx/2015.. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.A, giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu P.A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh S, chị D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Anh S, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo Biên lai số AB/2014/05789 ngày 11/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Anh S đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án DS Q.Bắc Từ Liêm;
- UBND phường DP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**